

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2022.
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Ban;
Ông Phạm Ngọc Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Xuân B, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T và anh B vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai thì nguyên đơn chị Trương Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L vào ngày 13/01/2017,

hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn cãi vã, xô xát nhau, do vợ chồng chị không hợp nhau về nhiều mặt như tính cách, lối sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa mạnh ai nấy sống. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đinh Anh Q, sinh ngày 18/7/2017, hiện nay con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Đinh Xuân B trình bày tại văn bản trình bày ý kiến ngày 17/8/2022:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xây dựng gia đình với chị Trương Thị Thu T vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L vào ngày 13/01/2017, hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2022 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng anh xung đột trong cách giải quyết vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Cũng từ thời gian này vợ chồng anh sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa mạnh ai nấy sống. Nay Chị T xin ly hôn với anh, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Thu T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Đinh Anh Q, sinh ngày 18/7/2017, hiện nay con chung đang sống cùng Chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh B không yêu cầu gì thêm và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Thu T, xử cho chị Trương Thị Thu T được ly hôn với anh Đinh Xuân B. Về con chung: Giao chung là Đinh Anh Q, sinh ngày 18/7/2017 cho Chị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Trương Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền:* Nguyên đơn chị Trương Thị Thu T, bị đơn anh Đinh Xuân B đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị T, anh B theo thủ tục chung là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Trương Thị Thu T và anh Đinh Xuân B xây dựng gia đình với nhau năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/01/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị Thu T và anh Đinh Xuân B đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện, Chị T cũng không còn tình cảm với anh B nên chị Trương Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Xuân B. Tại văn bản trình bày ý kiến của anh B cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2022 và đã sống ly thân từ đó đến nay nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện nên anh đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Thu T. Xét thấy, chị Trương Thị Thu T và anh Đinh Xuân B đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2022 đến nay, do vợ chồng không có biện pháp để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng, đã sống ly thân không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và thống nhất giải quyết ly hôn. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của các đương sự cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trương Thị Thu T, xử cho chị Trương Thị Thu T được ly hôn với anh Đinh Xuân B là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:*

Chị Trương Thị Thu T và anh Đinh Xuân B cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Đinh Anh Q, sinh ngày 18/7/2017, hiện nay con chung đang sống cùng Chị T. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T không yêu cầu anh Đinh Xuân B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy từ khi chị Trương Thị Thu T và anh Đinh Xuân B sống ly thân, con chung vẫn chung sống với Chị T, về thể chất tinh thần vẫn phát triển bình thường, đồng thời anh Đinh Xuân B cũng đồng ý giao con chung cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì vậy, để đảm bảo ổn định về tâm sinh lý cho trẻ phát triển bình thường cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung là Đinh Anh Q, sinh ngày 18/7/2017 cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án, Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị Thu T và anh Đinh Xuân B xác định tự thỏa thuận và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn, Chị T và anh B có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác theo thủ tục chung.

[5] *Về nợ chung*: Chị Trương Thị Thu T và anh Đinh Xuân B xác định không có nợ chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Trương Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, Điều 55, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Thu T, xử cho chị Trương Thị Thu T được ly hôn với anh Đinh Xuân B.

2. Về con chung:

Giao chung là Đinh Anh Q, sinh ngày 18/7/2017 cho chị Trương Thị Thu T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đinh Xuân B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Trương Thị Thu T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003267 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trương Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuyết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Anh